

Số: /TB-UBND

Đào Duy Từ, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường Đào Duy Từ năm 2026

Thực hiện Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Thông báo số 91/TB-TCT ngày 17/4/2026 của Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh về thông báo kết luận hội nghị đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ nghị quyết số 57; Kế hoạch số 02 và Đề án 06; Công văn số 208/HCC-HCQT ngày 13/5/2026 của Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Thanh Hoá về việc thực hiện các nhiệm vụ tại Thông báo số 193/TB-UBND ngày 12/5/2026 của UBND tỉnh; Thông báo số 99/TB-TCTĐA ngày 24/4/2026 và Thông báo số 102/TB-TCTĐA 07/5/2026 của Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh.

Để góp phần nâng cao hiệu quả Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. UBND phường Đào Duy Từ thông báo cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường như sau:

1. Về cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị: 484 TTHC
- Tổng số TTHC rà soát cắt giảm thời gian thực hiện: 410 TTHC
- Tổng thời gian theo quy định: 65.831 giờ, Tổng thời gian cắt giảm: 19.749,3 giờ; Tỷ lệ giảm 30% số thời gian giải quyết TTHC.

(Có phụ lục danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết kèm theo).

2. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công phường phối hợp Phòng Văn hoá

– Xã hội, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường thông báo rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường biết, thực hiện; niêm yết, công khai các TTHC cắt giảm thời gian giải quyết theo quy định. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của các phòng, trung tâm./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hoá (b/c);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND phường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Các phòng, Trung tâm thuộc UBND phường;
- Trung tâm Cung ứng DVC (đưa tin);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Duy Trung

Phụ lục: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC

TT	Tên TTHC	Mã TTHC	Tên trường hợp	Thời gian thực hiện trực tuyến theo giờ làm việc (giờ)	Thời gian dự kiến cắt giảm (30%) (giờ)	Thời gian giải quyết còn lại (giờ)	Tỷ lệ cắt giảm (%)
1	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H56	XP - 1.000656.000.00.00.H56_6	8	2.4	5.6	30
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.000894.000.00.00.H56_6	8	2.4	5.6	30
3	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.000894.000.00.00.H56_7	40	12	28	30
4	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.000.00.00.H56	XP - 2.000528.000.00.00.H56_5	8	2.4	5.6	30
5	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H56	XP - 1.001193.000.00.00.H56_5	8	2.4	5.6	30
6	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H56	XP - Thay đổi, cải chính hộ tịch - 1.004859.000.00.00.H56_10_daxoa	192	57.6	134.4	30
7	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.004873.000.00.00.H56_8	24	7.2	16.8	30
8	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.004884.000.00.00.H56_6	200	60	140	30
9	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.004884.000.00.00.H56_7	40	12	28	30

10	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.005461.000.00.00.H56_7	80	24	56	30
11	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.005461.000.00.00.H56_6	40	12	28	30
12	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2.000635.000.00.00.H56	XP - 2.000635.000.00.00.H56_8	8	2.4	5.6	30
13	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H56	XP - 1.000593.000.00.00.H56_4	40	12	28	30
14	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H56	XP - 2.001023.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
15	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.003681.000.00.00.H56	XP - 1.003681.000.00.00.H56_4	80	24	56	30
16	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266.000.00.00.H56	XP - 1.001266.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
17	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612.000.00.00.H56	XP - 1.001612.000.00.00.H56_3	24	7.2	16.8	30
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575.000.00.00.H56	XP - 2.000575.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720.000.00.00.H56	XP - Đối với trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh - 2.000720.000.00.00.H56_4	24	7.2	16.8	30
20	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H56	XP - 1.001731.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
21	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Người từ 16-22 tuổi - 1.001776.000.00.00.H56_14	256	76.8	179.2	30

22	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H56	XP - 2.002307.000.00.00.H56_2	32	9.6	22.4	30
23	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H56	XP - 2.002308.000.00.00.H56_2		0	0	30
24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	1.003634.000.00.00.H56	XP - 1.003634.000.00.00.H56_3	24	7.2	16.8	30
25	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	1.003650.000.00.00.H56	XP - 1.003650.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
26	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	1.003681.000.00.00.H56	XP - 1.003681.000.00.00.H56_4	24	7.2	16.8	30
27	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: Tình trạng dị dạng, dị tật của con đẻ đúng theo danh mục quy định: - 1.010816.000.00.00.H56_7	656	196.8	459.2	30
28	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H56	XP - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ - 1.010816.000.00.00.H56_8	192	57.6	134.4	30
29	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học - 1.010816.000.00.00.H56_6	712	213.6	498.4	30
30	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: Trường hợp còn vướng mắc về tình trạng dị dạng, dị tật, nếu con đẻ còn sống - 1.010816.000.00.00.H56_5	656	196.8	459.2	30
31	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H56	XP - Đối với trợ cấp mai táng - 1.010824.000.00.00.H56_5	152	45.6	106.4	30

32	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H56	XP - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng - 1.010824.000.00.00.H56_3	192	57.6	134.4	30
33	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1.010832.000.00.00.H56	XP - Đối với nhà ở riêng lẻ - 1.013225.H56_8	40	12	28	30
34	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H56	XP - 2.001035.000.00.00.H56_3	16	4.8	11.2	30
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H56	XP - 1.003930.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
36	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	1.012789.H56	XP - Trường hợp thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - 1.012789.H56_12	16	4.8	11.2	30
37	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	1.012789.H56	XP - Trường hợp thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai - 1.012789.H56_14	8	2.4	5.6	30
38	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót đối với UBND phường	1.012796.H56	XP - 1.012796.H56_6	80	24	56	30
39	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1.012796.H56	XP - 1.012796.H56_4	64	19.2	44.8	30
40	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.012812.H56	XP - 1.012812.H56_2	240	72	168	30
41	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H56	XP - 1.012818.H56_6	360	108	252	30
42	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H56	XP 20 Ngày (160 Giờ) - 1.012818.H56_4	160	48	112	30
43	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H56	XP 25 Ngày (200 Giờ) - 1.012818.H56_6	200	60	140	30

44	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H56	XP 45 Ngày (360 Giờ) "Thời gian thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp là không quá 35 ngày làm việc, thời gian cấp lại Giấy chứng nhận sau thu hồi là không quá 30 ngày làm việc" - 1.012818.H56_8	360	108	252	30
45	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H56	XP - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu - 1.012753.H56_6	160	48	112	30
46	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H56	XP - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu (Trường hợp với xã vùng sâu vùng xa) - 1.012753.H56_5	240	72	168	30
47	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H56	XP - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu (Trường hợp với xã vùng sâu vùng xa) - 1.012753.H56_7	216	64.8	151.2	30
48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H56	XP - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu - 1.012753.H56_4	136	40.8	95.2	30
49	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1.013950.H56	XP - đối với xã vùng sâu vùng xa - 1.013950.H56_3	200	60	140	30
50	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1.013950.H56	XP - 1.013950.H56_2	120	36	84	30
51	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013225.H56	XP - Đối với nhà ở riêng lẻ - 1.013225.H56_8	120	36	84	30
52	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013225.H56	XP - Đối với công trình, dự án - 1.013225.H56_9	160	48	112	30
53	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô	1.013226.H56	XP - Đối với công trình, dự án - 1.013226.H56_3	160	48	112	30

	thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ						
54	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013226.H56	XP - Đối với nhà ở riêng lẻ - 1.013226.H56_4	120	36	84	30
55	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013227.H56	XP - 1.013227.H56_3	40	12	28	30
56	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013228.H56	XP - 1.013228.H56_4	40	12	28	30
57	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1.013229.H56	XP - Đối với nhà ở riêng lẻ - 1.013229.H56_8	120	36	84	30
58	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1.013229.H56	XP - Đối với công trình, dự án - 1.013229.H56_9	160	48	112	30
59	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013232.H56	XP - Đối với nhà ở riêng lẻ - 1.013232.H56_2	120	36	84	30
60	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013232.H56	XP - Đối với công trình, dự án - 1.013232.H56_3	160	48	112	30

61	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	1.013314.H56	XP - 1.013314.H56_f0c7f	16	4.8	11.2	30
62	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1.013792.H56	XP - 1.000314.H56_5	120	36	84	30
63	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	1.013855.H56	XP - Đối với Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã - 1.013855.H56_5	160	48	112	30
64	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1,014,159	XP - 1.000689.000.00.00.H56_4	80	24	56	30
65	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H56	XP - 2.000815.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
66	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H56	XP - 2.000884.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
67	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H56	XP - 2.001035.000.00.00.H56_3	16	4.8	11.2	30
68	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.002621.H56	XP - Trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em khác nơi thường trú của cha, mẹ (nếu được cha, mẹ đồng ý) thì đính kèm các thành phần hồ sơ theo quy định pháp luật về cư trú - 2.002621.H56_3	40	12	28	30
69	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.000080.000.00.00.H56_8	96	28.8	67.2	30
70	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.000080.000.00.00.H56_6	56	16.8	39.2	30

71	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094.000.00.00.H56	XP - 1.000094.000.00.00.H56_5	16	4.8	11.2	30
72	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110.000.00.00.H56	XP - 1.000110.000.00.00.H56_5	8	2.4	5.6	30
73	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.H56	XP - 1.000314.H56_5	56	16.8	39.2	30
74	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.H56	XP - 1.000314.H56_2	56	16.8	39.2	30
75	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H56	TH cần xác minh XP - 1.000419.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
76	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H56	XP - 1.000593.000.00.00.H56_4	40	12	28	30
77	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H56	XP - 1.000689.000.00.00.H56_4	16	4.8	11.2	30
78	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.000893.000.00.00.H56_7	40	12	28	30
79	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.000893.000.00.00.H56_8	200	60	140	30
80	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.001022.000.00.00.H56_6	24	7.2	16.8	30
81	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.001022.000.00.00.H56_7	64	19.2	44.8	30
82	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc	1.001257.000.00.00.H56	XP - 1.001257.000.00.00.H56_2	120	36	84	30

	Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương						
83	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H56	XP - 1.001279.000.00.00.H56_3	56	16.8	39.2	30
84	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570.000.00.00.H56	XP - 1.001570.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
85	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H56	XP - 1.001622.000.00.00.H56_6	112	33.6	78.4	30
86	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H56	XP - Đối với trẻ em thuộc đối tượng là trẻ em khuyết tật học hòa nhập - 1.001622.000.00.00.H56_c3792	40	12	28	30
87	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H56	XP - 1.001653.000.00.00.H56_2	40	12	28	30
88	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1.001662.000.00.00.H56	XP - 1.001662.000.00.00.H56_3	64	19.2	44.8	30
89	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.000.00.00.H56	XP - 1.001669.000.00.00.H56_7	40	12	28	30
90	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.000.00.00.H56	XP - 1.001695.000.00.00.H56_5	120	36	84	30
91	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H56	XP - Trường hợp Người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng giám định y khoa - 1.001699.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
92	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H56	XP - Trường hợp xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật tại UBND cấp xã - 1.001699.000.00.00.H56_4	200	60	140	30
93	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.001766.000.00.00.H56_8	8	2.4	5.6	30

94	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.001766.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
95	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Trường hợp trong cùng nơi cư trú - 1.001776.000.00.00.H56_20	80	24	56	30
96	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Người nhiễm HIV (trẻ em nhiễm HIV, người nhiễm HIV) - 1.001776.000.00.00.H56_15	256	76.8	179.2	30
97	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Hộ gia đình có người khuyết tật - 1.001776.000.00.00.H56_16	80	24	56	30
98	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Người đơn thân nghèo đang nuôi con - 1.001776.000.00.00.H56_18	80	24	56	30
99	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc và nuôi dưỡng - 1.001776.000.00.00.H56_19	80	24	56	30
100	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Trường hợp thay đổi nơi cư trú: nơi cư trú mới của đối tượng - 1.001776.000.00.00.H56_22	40	12	28	30
101	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Người khuyết tật - 1.001776.000.00.00.H56_12	48	14.4	33.6	30
102	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Trường hợp thay đổi nơi cư trú: nơi cư trú cũ của đối tượng - 1.001776.000.00.00.H56_21	40	12	28	30
103	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Trẻ em (trẻ em mồ côi, trẻ em < 3 tuổi) - 1.001776.000.00.00.H56_13	256	76.8	179.2	30
104	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H56	XP - Người cao tuổi - 1.001776.000.00.00.H56_17	256	76.8	179.2	30
105	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1.003347.000.00.00.H56	XP - 1.003347.000.00.00.H56_2	160	48	112	30

106	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1.003434.000.00.00.H56	XP - 1.003434.000.00.00.H56_3	120	36	84	30
107	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H56	XP - 1.003440.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
108	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H56	XP - 1.003446.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
109	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1.003471.000.00.00.H56	XP - 1.003471.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
110	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H56	XP - 1.003583.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
111	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1.003596.000.00.00.H56	XP - 1.003596.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
112	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622.000.00.00.H56	XP - 1.003622.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
113	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1.003658.000.00.00.H56	XP - 1.003658.000.00.00.H56_5	40	12	28	30
114	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H56	XP - 1.003702.000.00.00.H56_3	320	96	224	30
115	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H56	XP - 1.003930.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
116	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.000.00.00.H56	XP - 1.003956.000.00.00.H56_2	256	76.8	179.2	30
117	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H56	XP - 1.003970.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30

118	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H56	XP - 1.004002.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
119	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H56	XP - 1.004036.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
120	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H56	XP - 1.004047.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
121	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H56	XP - 1.004088.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
122	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	1.004344.000.00.00.H56	XP - 1.004344.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
123	Công bố mở cảng cá loại III	1.004478.000.00.00.H56	XP - 1.004478.000.00.00.H56_2	48	14.4	33.6	30
124	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H56	XP - Thay đổi tên, người đại diện, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng - 1.004498.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
125	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H56	XP Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao, phạm vi quyền được giao, phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản - 1.004498.000.00.00.H56_4	264	79.2	184.8	30
126	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	1.004650.000.00.00.H56	XP - 1.004650.000.00.00.H56_8	40	12	28	30
127	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.004692.000.00.00.H56	XP - 1.004692.000.00.00.H56_9	56	16.8	39.2	30
128	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H56	XP - Trường không phải xác minh - 1.004746.000.00.00.H56_6	40	12	28	30

129	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H56	XP - Trường hợp phải xác minh - 1.004746.000.00.00.H56_7	200	60	140	30
130	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác nhận - 1.004772.000.00.00.H56_7	200	60	140	30
131	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác nhận - 1.004772.000.00.00.H56_6	40	12	28	30
132	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.004827.000.00.00.H56_6	8	2.4	5.6	30
133	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 1.004827.000.00.00.H56_7	8	2.4	5.6	30
134	Thủ tục đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H56	XP - 1.004837.000.00.00.H56_5	16	4.8	11.2	30
135	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H56	XP - 1.004845.000.00.00.H56_5	16	4.8	11.2	30
136	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H56	XP - Thay đổi, cải chính hộ tịch - 1.004859.000.00.00.H56_10	24	7.2	16.8	30
137	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H56	XP - Bổ sung thông tin hộ tịch - 1.004859.000.00.00.H56_9	8	2.4	5.6	30
138	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H56	XP - Thay đổi, cải chính hộ tịch: Trường hợp phải xác minh. - 1.004859.000.00.00.H56_8	48	14.4	33.6	30
139	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H56	XP - Thay đổi, cải chính hộ tịch: Trường hợp cần xác minh - 1.004859.000.00.00.H56_7	48	14.4	33.6	30
140	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 1.004873.000.00.00.H56_7	184	55.2	128.8	30

141	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901.000.00.00.H56	XP - 1.004901.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
142	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941.000.00.00.H56	XP - 1.004941.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
143	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944.000.00.00.H56	XP - Đối với trường hợp chấm dứt chăm sóc thay thế cho trẻ em tại Cơ sở trợ giúp xã hội để chuyển đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế: - 1.004944.000.00.00.H56_5	40	12	28	30
144	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946.000.00.00.H56	XP - 1.004946.000.00.00.H56_4	12	3.6	8.4	30
145	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1.004964.000.00.00.H56	XP - 1.004964.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
146	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.004979.000.00.00.H56	XP - 1.004979.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
147	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H56	XP - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể - 1.004982.000.00.00.H56_6	40	12	28	30
148	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H56	XP - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - 1.004982.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
149	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H56	XP - Sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - 1.004982.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
150	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H56	XP - Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt	24	7.2	16.8	30

			động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác - 1.005010.000.00.00.H56_5				
151	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H56	XP - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài - 1.005010.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
152	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H56	XP - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước - 1.005010.000.00.00.H56_6	40	12	28	30
153	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040.000.00.00.H56	XP - Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá - 1.005040.000.00.00.H56_0ac1f	3	0.9	2.1	30
154	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.005277.000.00.00.H56	XP - 1.005277.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
155	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280.000.00.00.H56	XP - 1.005280.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
156	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H56	XP - 1.005378.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
157	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H56	XP - 1.005412.000.00.00.H56_2	360	108	252	30
158	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H56	XP - 1.006390.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
159	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H56	XP - 1.006391.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30

160	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444.000.00.00.H56	XP - 1.006444.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
161	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445.000.00.00.H56	XP - 1.006445.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
162	Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới	1.006545	XP - 1.006545_2	80	24	56	30
163	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	1.007919.000.00.00.H56	XP - 1.007919.000.00.00.H56_4	72	21.6	50.4	30
164	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	1.007922	XP - 1.007922_2	792	237.6	554.4	30
165	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H56	XP - 1.008004.000.00.00.H56_2	40	12	28	30
166	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H56	XP - Thủ tục Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp - 1.008950.000.00.00.H56_ad21f	112	33.6	78.4	30
167	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H56	XP - 1.008950.000.00.00.H56_cee61	192	57.6	134.4	30
168	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H56	XP - Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp - 1.008951.000.00.00.H56_09c5f	136	40.8	95.2	30
169	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H56	XP - 1.008951.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30
170	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444.000.00.00.H56	XP - 1.009444.000.00.00.H56_3	40	12	28	30

171	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453.000.00.00.H56	XP - 1.009453.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
172	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454.000.00.00.H56	XP - 1.009454.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
173	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455.000.00.00.H56	XP - 1.009455.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
174	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1.010091.000.00.00.H56	XP - Trường hợp hỗ trợ khám chữa bệnh - 1.010091.000.00.00.H56_4	80	24	56	30
175	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1.010091.000.00.00.H56	XP - Trường hợp trợ cấp tai nạn - 1.010091.000.00.00.H56_6	80	24	56	30
176	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092.000.00.00.H56	XP - Trường hợp trợ cấp tiền tuất: - 1.010092.000.00.00.H56_3	104	31.2	72.8	30
177	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092.000.00.00.H56	XP - Trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên - 1.010092.000.00.00.H56_4	104	31.2	72.8	30
178	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1.010736.000.00.00.H56	XP - 1.010736.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
179	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	1.010772.000.00.00.H56	XP - Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên tử vong do vết thương tái phát: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công: - 1.010772.000.00.00.H56_10	968	290.4	677.6	30
180	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	1.010772.000.00.00.H56	XP - Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có tỷ lệ tổn thương cơ	992	297.6	694.4	30

			thể từ 61% trở lên tử vong do vết thương tái phát: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang sống tại gia đình - 1.010772.000.00.00.H56_11				
181	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1.010774.000.00.00.H56	XP - Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: (Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý) - 1.010774.000.00.00.H56_9	1416	424.8	991.2	30
182	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1.010774.000.00.00.H56	XP - Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: (Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý) - 1.010774.000.00.00.H56_8	1480	444	1036	30
183	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	1.010777.000.00.00.H56	XP - Trường hợp Bằng gốc thể hiện đầy đủ thông tin - 1.010777.000.00.00.H56_3	576	172.8	403.2	30
184	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	1.010777.000.00.00.H56	XP - Trường hợp Bằng gốc không thể hiện được thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại - 1.010777.000.00.00.H56_4	1032	309.6	722.4	30
185	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	1.010778.000.00.00.H56	XP - 1.010778.000.00.00.H56_2	816	244.8	571.2	30
186	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1.010781.000.00.00.H56	XP - Đối với người hy sinh hoặc mất tích thuộc quân đội, công an - 1.010781.000.00.00.H56_3	1752	525.6	1226.4	30
187	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1.010781.000.00.00.H56	XP - Đối với người hy sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an - 1.010781.000.00.00.H56_4	1592	477.6	1114.4	30
188	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	1.010783.000.00.00.H56	XP - 1.010783.000.00.00.H56_2	328	98.4	229.6	30
189	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H56	XP - 1.010803.000.00.00.H56_4	136	40.8	95.2	30

190	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H56	XP - 1.010804.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30
191	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H56	XP - 1.010805.000.00.00.H56_2	192	57.6	134.4	30
192	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	1.010806.000.00.00.H56	XP - 1.010806.000.00.00.H56_3	832	249.6	582.4	30
193	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H56	XP - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Chủ tịch UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: - 1.010810.000.00.00.H56_6	1656	496.8	1159.2	30
194	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H56	XP - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Chủ tịch UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương - 1.010810.000.00.00.H56_4	1632	489.6	1142.4	30
195	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H56	XP - 1.010810.000.00.00.H56_5	1024	307.2	716.8	30
196	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	1.010812.000.00.00.H56	XP - 1.010812.000.00.00.H56_2	96	28.8	67.2	30
197	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H56	XP - 1.010814.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30
198	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1.010815.000.00.00.H56	XP - 1.010815.000.00.00.H56_2	296	88.8	207.2	30
199	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H56	XP - 1.010817.000.00.00.H56_2	712	213.6	498.4	30
200	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H56	XP - 1.010818.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30

201	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H56	XP - 1.010819.000.00.00.H56_ee669	136	40.8	95.2	30
202	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H56	XP - 1.010820.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30
203	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H56	XP - Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý - 1.010821.000.00.00.H56_9780b	192	57.6	134.4	30
204	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H56	XP - Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. - 1.010821.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
205	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H56	XP - Đối với trợ cấp một lần - 1.010824.000.00.00.H56_4	152	45.6	106.4	30
206	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.010825.000.00.00.H56	XP - 1.010825.000.00.00.H56_2	136	40.8	95.2	30
207	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	1.010827.000.00.00.H56	XP - 1.010827.000.00.00.H56_6	192	57.6	134.4	30
208	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	1.010828.000.00.00.H56	XP - 1.010828.000.00.00.H56_6	96	28.8	67.2	30
209	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	1.010831.000.00.00.H56	XP - 1.010831.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
210	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.000.00.00.H56	XP - 1.010833.000.00.00.H56_2	40	12	28	30
211	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941.000.00.00.H56	XP - 1.010941.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
212	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1.010945.000.00.00.H56	XP - 1.010945.000.00.00.H56_2	80	24	56	30

213	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	1.011445.000.00.00.H56	XP - Trường hợp có yêu cầu chuyển tiếp đăng ký quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp bao gồm (khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP): - 1.011445.000.00.00.H56_6	8	2.4	5.6	30
214	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	1.011467	XP - 1.011467_2	56	16.8	39.2	30
215	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	1.011468	XP - 1.011468_2	56	16.8	39.2	30
216	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	1.011471.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ - 1.011471.000.00.00.H56_4	80	24	56	30
217	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	1.011471.000.00.00.H56	XP - Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã - 1.011471.000.00.00.H56_3	56	16.8	39.2	30
218	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606.000.00.00.H56	XP - 1.011606.000.00.00.H56_3	840	252	588	30
219	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.000.00.00.H56	XP - Không phúc tra - 1.011607.000.00.00.H56_3	120	36	84	30
220	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.000.00.00.H56	XP - Trường hợp phúc tra - 1.011607.000.00.00.H56_2	200	60	140	30
221	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.000.00.00.H56	XP - Trường hợp phúc tra - 1.011608.000.00.00.H56_4	200	60	140	30
222	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.000.00.00.H56	XP - Không phúc tra - 1.011608.000.00.00.H56_3	120	36	84	30

223	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.000.00.00.H56	XP - Trường hợp phúc tra - 1.011609.000.00.00.H56_4	184	55.2	128.8	30
224	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không phúc tra - 1.011609.000.00.00.H56_3	120	36	84	30
225	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1.012084.H56	XP - 1.012084.H56_2	8	2.4	5.6	30
226	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1.012085.H56	XP - 1.012085.H56_2	8	2.4	5.6	30
227	Công nhận người có uy tín	1.012222.H56	XP - 1.012222.H56_3	160	48	112	30
228	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1.012223.H56	XP - 1.012223.H56_5	200	60	140	30
229	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1.012531.H56	XP - 1.012531.H56_2	160	48	112	30
230	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	1.012582.H56	XP - 1.012582.H56_2	160	48	112	30
231	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	1.012584.H56	XP - 1.012584.H56_2	160	48	112	30
232	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	1.012585.H56	XP - 1.012585.H56_2	120	36	84	30
233	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	1.012590.H56	XP - 1.012590.H56_2	160	48	112	30
234	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1.012591.H56	XP - 1.012591.H56_2	120	36	84	30

235	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1.012592.H56	XP - 1.012592.H56_2	120	36	84	30
236	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1.012694.H56	XP - 1.012694.H56_3	96	28.8	67.2	30
237	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1.012796.H56	XP - đối với vùng sâu vùng xa - 1.012796.H56_5	144	43.2	100.8	30
238	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.012817.H56	XP - đối với vùng sâu vùng xa - 1.012817.H56_4	240	72	168	30
239	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.012817.H56	XP - 1.012817.H56_5	160	48	112	30
240	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012818.H56	XP - đối với xã vùng sâu vùng xa - 1.012818.H56_5	520	156	364	30
241	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1.012836.H56	XP - 1.012836.H56_3	160	48	112	30
242	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1.012837.H56	XP - 1.012837.H56_2	160	48	112	30
243	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1.012888.H56	XP - 1.012888.H56_295d2	56	16.8	39.2	30
244	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	1.012922.H56	XP - 1.012922.H56_3	40	12	28	30
245	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012961.H56	XP - 1.012961.H56_2	200	60	140	30

246	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012962.H56	XP - 1.012962.H56_2	80	24	56	30
247	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.012969.H56	XP - 1.012969.H56_2	56	16.8	39.2	30
248	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.012970.H56	XP - 1.012970.H56_22c10	56	16.8	39.2	30
249	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971.H56	XP - Hồ sơ thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập - 1.012971.H56_5	96	28.8	67.2	30
250	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971.H56	XP - Hồ sơ cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực - 1.012971.H56_3	96	28.8	67.2	30
251	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1.012972.H56	XP - 1.012972.H56_2	56	16.8	39.2	30
252	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973.H56	XP - Hồ sơ sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực - 1.012973.H56_3	96	28.8	67.2	30
253	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973.H56	XP - Hồ sơ sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập công lập - 1.012973.H56_4	96	28.8	67.2	30
254	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012974.H56	XP - 1.012974.H56_2	80	24	56	30
255	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975.H56	XP - 1.012975.H56_2	80	24	56	30
256	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1.012994.H56	XP - Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (cấp xã) - 1.012994.H56_4b7d0	240	72	168	30
257	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	1.012995.H56	XP - 1.012995.H56_0abca	160	48	112	30

258	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.H56	XP - 1.013061.H56_4	56	16.8	39.2	30
259	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	1.013234.H56	XP - Đối với công trình còn lại - 1.013234.H56_27	160	48	112	30
260	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	1.013234.H56	XP - Đối với công trình cấp II và cấp III - 1.013234.H56_26	240	72	168	30
261	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1.013239.H56	XP - Nhóm C - 1.013239.H56_23	120	36	84	30
262	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1.013239.H56	XP - Nhóm B - 1.013239.H56_22	200	60	140	30
263	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H56	XP - Đối với các trường hợp khác - 1.013274.H56_3	40	12	28	30
264	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H56	XP - Trường hợp đối với đám tang - 1.013274.H56_4	8	2.4	5.6	30
265	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	1.013313.H56	XP - 1.013313.H56_2	16	4.8	11.2	30
266	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1,013345.H56	XP - 1.013345_5	56	16.8	39.2	30
267	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1,013346.H56	XP - 1.013346_9	56	16.8	39.2	30
268	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1.013749.H56	XP - 1.013749.H56_79f41	7992	2397.6	5594.4	30

269	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã miền núi) - 1.013831.H56_14	144	43.2	100.8	30
270	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_14_daxoa	144	43.2	100.8	30
271	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_10	144	43.2	100.8	30
272	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_14_daxoa	144	43.2	100.8	30
273	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_14_daxoa	144	43.2	100.8	30

	sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm						
274	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_14_daxoa	144	43.2	100.8	30
275	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H56	XP - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND cấp xã) - 1.013831.H56_19	64	19.2	44.8	30
276	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1.013949.H56	XP - 1.013949.H56_9	120	36	84	30
277	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1.013949.H56	XP - đối với xã vùng sâu vùng xa - 1.013949.H56_10	200	60	140	30
278	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo	1.013962.H56	XP - 1.013962.H56_2	280	84	196	30

	viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở						
279	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1.013962.H56	XP - đối với xã vùng sâu vùng xa - 1.013962.H56_3	360	108	252	30
280	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.013979.H56	XP - đối với xã vùng sâu vùng xa - 1.013979.H56_3	160	48	112	30
281	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.013979.H56	XP - 1.013979.H56_2	80	24	56	30
282	Xét tuyển công chức	1.014113.H56	XP - 1.014113.H56_5	680	204	476	30
283	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014155.H56	XP - 1.014155.H56_3	120	36	84	30
284	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158.H56	XP - Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn theo quy trình thông thường - 1.014158.H56_7	120	36	84	30

285	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158.H56	XP - Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn theo quy trình rút gọn - 1.014158.H56_8	120	36	84	30
286	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159.H56	XP - 1.014159.H56_60c2f	80	24	56	30
287	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H56	XP Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực - 2.000150.000.00.00.H56_5c3d7	120	36	84	30
288	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H56	XP Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy - 2.000150.000.00.00.H56_b555f	120	36	84	30
289	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H56	XP Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực - 2.000150.000.00.00.H56_3	120	36	84	30
290	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.000.00.00.H56	XP - 2.000162.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
291	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H56	XP - 2.000181.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
292	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000206.000.00.00.H56	XP - 2.000206.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
293	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000286.000.00.00.H56	XP - Đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã - 2.000286.000.00.00.H56_6	80	24	56	30
294	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H56	XP - 2.000355.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
295	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000424.000.00.00.H56	XP - 2.000424.000.00.00.H56_2	88	26.4	61.6	30
296	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2.000477.000.00.00.H56	XP - 2.000477.000.00.00.H56_4db07	56	16.8	39.2	30

297	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 2.000497.000.00.00.H56_7	80	24	56	30
298	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 2.000497.000.00.00.H56_8	40	12	28	30
299	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 2.000513.000.00.00.H56_7	40	12	28	30
300	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 2.000513.000.00.00.H56_8	200	60	140	30
301	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 2.000522.000.00.00.H56_8	200	60	140	30
302	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 2.000522.000.00.00.H56_7	40	12	28	30
303	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2.000535.000.00.00.H56	XP - Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp xã thực hiện trong trường hợp (a), (c) và (d) - 2.000535.000.00.00.H56_6	24	7.2	16.8	30
304	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2.000535.000.00.00.H56	XP - Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp xã thực hiện trong trường hợp (b) - 2.000535.000.00.00.H56_7	200	60	140	30
305	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547.000.00.00.H56	XP - Trường hợp không cần xác minh - 2.000547.000.00.00.H56_8	8	2.4	5.6	30
306	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cần xác minh - 2.000547.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30

307	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.000.00.00.H56	XP - 2.000554.000.00.00.H56_5	96	28.8	67.2	30
308	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2.000591.000.00.00.H56	XP - 2.000591.000.00.00.H56_4	200	60	140	30
309	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H56	XP - 2.000615.000.00.00.H56_2	56	16.8	39.2	30
310	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H56	XP - 2.000620.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
311	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H56	XP - 2.000633.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
312	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748.000.00.00.H56	XP - Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc - 2.000748.000.00.00.H56_10	16	4.8	11.2	30
313	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748.000.00.00.H56	XP - Trường hợp bổ sung hộ tịch - 2.000748.000.00.00.H56_8	16	4.8	11.2	30
314	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748.000.00.00.H56	XP - Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc (cần xác minh) - 2.000748.000.00.00.H56_9	16	4.8	11.2	30
315	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.000.00.00.H56	XP - 2.000756.000.00.00.H56_6	16	4.8	11.2	30
316	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.000.00.00.H56	XP - 2.000779.000.00.00.H56_5	120	36	84	30
317	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H56	XP - 2.000794.000.00.00.H56_2	56	16.8	39.2	30
318	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H56	XP - 2.000806.000.00.00.H56_5	40	12	28	30

319	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H56	XP (Cần xác minh) - 2.000806.000.00.00.H56_6	80	24	56	30
320	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H56	XP - 2.000815.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
321	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H56	XP - 2.000884.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
322	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H56	XP - 2.000908.000.00.00.H56_4	8	2.4	5.6	30
323	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	2.000913.000.00.00.H56	XP - 2.000913.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
324	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	2.000927.000.00.00.H56	XP - 2.000927.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
325	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2.000930.000.00.00.H56	XP - 2.000930.000.00.00.H56_2	40	12	28	30
326	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H56	XP - 2.000942.000.00.00.H56_4	8	2.4	5.6	30
327	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	2.000992.000.00.00.H56	XP - 2.000992.000.00.00.H56_2	8	2.4	5.6	30
328	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	2.001008.000.00.00.H56	XP - 2.001008.000.00.00.H56_2	8	2.4	5.6	30
329	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H56	XP - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: - 2.001016.000.00.00.H56_2	16	4.8	11.2	30

330	Thủ tục Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H56	XP - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: - 2.001019.000.00.00.H56_3	16	4.8	11.2	30
331	Thủ tục Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H56	XP - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: - 2.001019.000.00.00.H56_2	16	4.8	11.2	30
332	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	2.001088.000.00.00.H56	XP - 2.001088.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
333	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.000.00.00.H56	XP - 2.001157.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
334	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211.000.00.00.H56	XP - 2.001211.000.00.00.H56_3	16	4.8	11.2	30
335	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001212.000.00.00.H56	XP - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: - 2.001212.000.00.00.H56_5	24	7.2	16.8	30
336	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214.000.00.00.H56	XP - Trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật - 2.001214.000.00.00.H56_9	24	7.2	16.8	30
337	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2.001215.000.00.00.H56	XP - 2.001215.000.00.00.H56_4	24	7.2	16.8	30
338	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217.000.00.00.H56	XP - 2.001217.000.00.00.H56_2	16	4.8	11.2	30
339	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001218.000.00.00.H56	XP - Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng gồm: - 2.001218.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
340	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn hiệu lực - 2.001240.000.00.00.H56_3	80	24	56	30

341	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H56	XP - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất, bị hỏng: - 2.001240.000.00.00.H56_4	56	16.8	39.2	30
342	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H56	XP - Lưu ý đối với trường hợp người yêu cầu lựa chọn hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công theo biểu mẫu điện tử tương tác dưới đây: - 2.001255.000.00.00.H56_3	40	12	28	30
343	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H56	XP - Hồ sơ đăng ký lại nuôi con nuôi gồm: - 2.001255.000.00.00.H56_4	40	12	28	30
344	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261.000.00.00.H56	XP - 2.001261.000.00.00.H56_2	52	15.6	36.4	30
345	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H56	XP - 2.001263.000.00.00.H56_5	240	72	168	30
346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270.000.00.00.H56	XP - 2.001270.000.00.00.H56_2	52	15.6	36.4	30
347	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283.000.00.00.H56	XP - 2.001283.000.00.00.H56_2	112	33.6	78.4	30
348	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.000.00.00.H56	XP - 2.001396.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
349	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H56	XP - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: - 2.001406.000.00.00.H56_2	16	4.8	11.2	30
350	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H56	XP - 2.001621.000.00.00.H56_2	56	16.8	39.2	30

351	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	2.001627.000.00.00.H56	XP - 2.001627.000.00.00.H56_2	160	48	112	30
352	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H56	XP - 2.001659.000.00.00.H56_4	24	7.2	16.8	30
353	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661.000.00.00.H56	XP - 2.001661.000.00.00.H56_2	88	26.4	61.6	30
354	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H56	XP - 2.001711.000.00.00.H56_6	24	7.2	16.8	30
355	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827.000.00.00.H56	XP - 2.001827.000.00.00.H56_3	120	36	84	30
356	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921.000.00.00.H56	XP - 2.001921.000.00.00.H56_6	56	16.8	39.2	30
357	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H56	XP - 2.001944.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
358	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H56	XP - 2.001958.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
359	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.000.00.00.H56	XP - 2.001960.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30
360	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H56	XP - 2.002080.000.00.00.H56_68951	40	12	28	30
361	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002123.000.00.00.H56	XP - 2.002123.000.00.00.H56_2	24	7.2	16.8	30

362	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 - 2.002165.000.00.00.H56_4	560	168	392	30
363	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường - 2.002165.000.00.00.H56_3	400	120	280	30
364	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.000.00.00.H56	XP - 2.002189.000.00.00.H56_6	96	28.8	67.2	30
365	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H56	XP - Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có: - 2.002226.000.00.00.H56_3	8	2.4	5.6	30
366	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có: - 2.002226.000.00.00.H56_4	8	2.4	5.6	30
367	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H56	XP - Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có: - 2.002228.000.00.00.H56_4	80	24	56	30
368	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H56	XP - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có: - 2.002228.000.00.00.H56_5	80	24	56	30
369	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H56	XP - Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có: - 2.002228.000.00.00.H56_3	80	24	56	30
370	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287.000.00.00.H56	XP - 2.002287.000.00.00.H56_6	24	7.2	16.8	30
371	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H56	XP - 2.002307.000.00.00.H56_2	200	60	140	30

372	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H56	XP - 2.002308.000.00.00.H56_2	8	2.4	5.6	30
373	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363.000.00.00.H56	XP - 2.002363.000.00.00.H56_6	24	7.2	16.8	30
374	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2.002396.000.00.00.H56	XP - 2.002396.000.00.00.H56_2	240	72	168	30
375	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	2.002400.000.00.00.H56	XP - 2.002400.000.00.00.H56_2	96	28.8	67.2	30
376	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	2.002401.000.00.00.H56	XP - 2.002401.000.00.00.H56_2	920	276	644	30
377	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.002402.000.00.00.H56	XP - 2.002402.000.00.00.H56_2	40	12	28	30
378	Thủ tục thực hiện việc giải trình	2.002403.000.00.00.H56	XP - 2.002403.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
379	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.002409.000.00.00.H56	XP - 2.002409.000.00.00.H56_2	120	36	84	30
380	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	2.002481.000.00.00.H56	XP - 2.002481.000.00.00.H56_3	24	7.2	16.8	30
381	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2.002501.000.00.00.H56	XP - 2.002501.000.00.00.H56_2	80	24	56	30
382	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H56	XP - 2.002516.000.00.00.H56_7	24	7.2	16.8	30
383	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620.H56	XP - 2.002620.H56_2	24	7.2	16.8	30

384	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2.002635.H56	XP - 2.002635.H56_4	24	7.2	16.8	30
385	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2.002636.H56	XP - 2.002636.H56_4	24	7.2	16.8	30
386	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2.002637.H56	XP - 2.002637.H56_5	24	7.2	16.8	30
387	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638.H56	XP - 2.002638.H56_4	24	7.2	16.8	30
388	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2.002639.H56	XP - 2.002639.H56_6	24	7.2	16.8	30
389	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2.002640.H56	XP - 2.002640.H56_5	24	7.2	16.8	30
390	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002641.H56	XP - 2.002641.H56_5	24	7.2	16.8	30
391	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642.H56	XP - Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác - 2.002642.H56_6	24	7.2	16.8	30
392	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642.H56	XP - Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (05 ngày làm việc) - 2.002642.H56_7	40	12	28	30
393	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643.H56	XP - 2.002643.H56_4	24	7.2	16.8	30
394	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002648.H56	XP - 2.002648.H56_5	24	7.2	16.8	30

395	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002649.H56	XP - 2.002649.H56_4	24	7.2	16.8	30
396	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668.H56	XP - Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định: Đối với tổ hợp tác: - 2.002668.H56_5	80	24	56	30
397	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668.H56	XP - Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định: Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: - 2.002668.H56_4	80	24	56	30
398	Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.	3.000235	XP - 3.000235_2	72	21.6	50.4	30
399	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	3.000250.H56	XP - 3.000250.H56_3	120	36	84	30
400	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	3.000307.H56	XP - 3.000307.H56_2	120	36	84	30
401	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	3.000308.H56	XP - 3.000308.H56_9f55b	80	24	56	30
402	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	3.000309.H56	XP - 3.000309.H56_2	160	48	112	30
403	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.H56	XP - Trường hợp không phải xác minh - 3.000322.H56_4dc60	16	4.8	11.2	30
404	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.H56	XP - Trường hợp cần phải xác minh - 3.000322.H56_5	16	4.8	11.2	30
405	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323.H56	XP - 3.000323.H56_5	24	7.2	16.8	30

406	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	3.000412.H56	XP - 3.000412.H56_2	120	36	84	30
407	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000439.H56	XP - 3.000439.H56_2	232	69.6	162.4	30
408	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000440.H56	XP - 3.000440.H56_2	192	57.6	134.4	30
409	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000442.H56	XP - 3.000442.H56_2	192	57.6	134.4	30
410	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000443.H56	XP - 3.000443.H56_2	112	33.6	78.4	30